BẢN TIN CHỨNG KHOÁN

TÍN HIỆU PHÁ VỠ CHƯA ĐỦ TIN CẬY, KHẢ NĂNG KIỂM ĐỊNH LẠI NGƯỠNG 1700 ĐIỂM

17/11/2026

VN-Index	**1689.62 (-0.79%)**
724 Tr. cổ phiếu	15074.7 Tỷ VND (-14.08%)
HNX-Index	**238.94 (-1.56%)**
54 Tr. cổ phiếu	645.1 Tỷ VND (-8.50%)
UPCOM-Index	**120.36 (-0.63%)**
21 Tr. cổ phiếu	285.4 Tỷ VND (-66.28%)
VN30F1M	**1787.90 (-1.49%)**
187,728 HD	OI: 0,000 HD

% Hiệu suất từ đầu năm 2026 của các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- **Diễn biến:** VN-Index đóng cửa phiên tại 1689.6 điểm, giảm 13.4 điểm (-0.79%). Thanh khoản giảm đáng kể với độ rộng thị trường nghiêng về bên bán. VN30 giảm 18.0 điểm (-1.00%), HNX-Index giảm 3.8 điểm (-1.56%).
- **Điểm nhấn trong phiên:** Áp lực điều chỉnh tiếp tục chi phối diễn biến thị trường, với sức ép lớn đến từ nhóm Vin. Nhóm Mid-Small cap thể hiện tốt hơn, hàm ý dòng tiền phân hóa và mặt bằng cổ phiếu không quá tiêu cực.
- Dòng tiền khởi sắc tại nhóm Du lịch và Giải trí (HVN, +4.1%), Hàng & Dịch vụ Công nghiệp (GEE, +5.1%), Hóa chất (GVR, +0.7%); trong khi Bất động sản (VIC, -2.0%), Ngân hàng (CTG, -1.6%), Thực phẩm và đồ uống (VNM, -1.7%) chịu áp lực điều chỉnh. Về tác động, HVN, GEE, BID, NAB đóng góp tích cực nhất cho chỉ số, trái lại VIC, CTG, VHM, BSR tạo sức ép giảm điểm.
- Khối ngoại bán ròng hơn 950 tỷ đồng, tập trung ở FPT, ACB, VIX, trong khi mua ròng TCB, NKG, HPG.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- **VN-Index** kết phiên đánh mất ngưỡng 1700 điểm, chịu sức ép từ nhóm vốn hóa lớn, dẫn đầu là nhóm cổ phiếu họ Vin. Tuy nhiên, thanh khoản duy trì mức thấp cho thấy lực cung không quá tiêu cực. Trong khi đó, dòng tiền phân hóa và nhóm Mid-Small Cap có mức điều chỉnh hạn chế hơn. Một số cổ phiếu đã xuất hiện tín hiệu cân bằng và hồi phục, hàm ý chiều mua có dấu hiệu cải thiện tại vùng giá thấp. Về mặt kỹ thuật, ngưỡng 1680 điểm cũng là hỗ trợ gần, nơi lực cầu bắt đáy có thể xuất hiện và giúp chỉ số hồi phục, kiểm định lại ngưỡng 1700 điểm vừa đánh mất. Trong trường hợp ngưỡng 1680 bị phá vỡ, đà giảm khả năng mở rộng về khu vực 1640 - 1650 điểm. Ở chiều hồi phục, kháng cự gần giờ là vùng 1730 - 1750 điểm.
- **Đối với HNX-Index**, áp lực điều chỉnh tiếp tục chi phối và chỉ số đã lùi về khu vực hỗ trợ mạnh quanh vùng 236 - 240 điểm. Phản ứng giằng co kiểm định có thể chi phối. Chiều ngược lại, kháng cự gần giờ là khu vực 250 – 255 điểm.
- **Chiến lược:** Duy trì tỷ trọng cổ phiếu ở mức trung bình, đồng thời theo dõi thêm diễn biến thị trường trong quá trình tìm lại vùng cân bằng. Hạn chế hoạt động bắt đáy đối với các cổ phiếu chưa xuất hiện tín hiệu tạo đáy rõ ràng. Đối với NĐT có khẩu vị rủi ro cao, có thể cân nhắc các cơ hội giao dịch ngắn hạn tại những nhóm ngành vẫn duy trì sức mạnh dòng tiền như Bất động sản, Tiện ích (Điện) và Chứng khoán.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Theo dõi thêm diễn biến thị trường

Phái sinh (trang 08)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa	% Thay đổi (%) 1D	(%) 1W	(%) 1M	Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với 01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng	Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với 01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng
Theo chỉ số												
VN-Index	1,689.6	**-0.8%**	-2.6%	0.0%	15,074.7	**-14.1%**	-0.7%	12.6%	724.4	**-13.6%**	10.6%	18.5%
HNX-Index	238.9	**-1.6%**	-6.9%	-7.4%	645.1	**-8.5%**	-7.9%	-33.4%	53.6	**-2.3%**	4.4%	-25.4%
UPCOM-Index	120.4	**-0.6%**	-0.7%	-3.7%	285.4	**-66.3%**	-12.8%	-30.9%	21.4	**-20.3%**	19.0%	-16.1%
VN30	1,788.5	**-1.0%**	-2.8%	-2.8%	9,569.3	**-0.9%**	9.4%	21.0%	312.5	**0.2%**	12.7%	12.3%
VNMID	1,819.7	**0.1%**	-2.4%	0.1%	4,735.0	**-28.8%**	-13.7%	2.2%	278.8	**-28.3%**	-11.6%	3.3%
VNSML	1,181.5	**-0.3%**	-3.3%	-3.7%	509.6	**-45.8%**	-33.2%	-17.3%	49.3	**-12.8%**	-5.8%	2.9%
Theo ngành (VNINdex)												
Ngân hàng	578.8	**-0.5%**	-3.83%	-5.2%	6,600.1	**-8.7%**	9.4%	18.5%	268.9	**-10.0%**	7.8%	2.2%
Bất động sản	985.9	**-1.6%**	-1.66%	10.9%	1,649.8	**-10.2%**	-5.4%	-31.4%	89.1	**-2.2%**	-1.0%	-30.3%
Dịch vụ tài chính	247.8	**-0.1%**	-2.88%	-1.5%	1,477.0	**-33.1%**	-9.9%	-28.1%	86.5	**-28.4%**	-9.2%	-29.0%
Công nghiệp	214.0	**1.2%**	-4.26%	-7.4%	678.6	**-47.3%**	-27.8%	-39.3%	27.0	**-54.3%**	-27.0%	-40.1%
Tài nguyên cơ bản	454.2	**0.0%**	-3.02%	-0.7%	466.5	**-29.1%**	1.2%	-30.4%	30.7	**-25.8%**	5.4%	-22.3%
Xây dựng - Vật Liệu	147.4	**0.4%**	-4.01%	-3.9%	347.3	**-22.4%**	-26.8%	-41.5%	23.4	**-11.8%**	-15.6%	-34.0%
Thực phẩm	468.7	**-0.6%**	0.38%	-4.2%	749.7	**6.8%**	-18.5%	-23.4%	22.1	**6.0%**	-9.5%	-17.1%
Bán Lẻ	1,416.3	**-0.3%**	-0.14%	-0.6%	564.7	**-20.6%**	22.6%	9.1%	8.3	**-35.0%**	10.9%	8.3%
Công nghệ	275.4	**-2.6%**	-7.55%	-18.9%	951.6	**19.0%**	40.1%	51.3%	21.6	**19.5%**	41.5%	55.5%
Hóa chất	147.7	**0.6%**	-5.28%	-10.7%	118.6	**-49.1%**	-27.3%	-50.7%	5.4	**-50.7%**	-29.3%	-47.8%
Tiện ích	703.2	**-0.3%**	-2.42%	-3.4%	386.0	**-36.5%**	-28.5%	10.4%	21.4	**-43.7%**	-31.7%	14.5%
Dầu khí	93.6	**-1.5%**	-7.63%	-16.5%	622.1	**90.4%**	51.73%	43.6%	34.1	**134.0%**	71.1%	87.1%
Dược phẩm	359.3	**-1.5%**	-3.59%	-8.1%	10.7	**-12.7%**	-64.2%	-76.3%	0.6	**2.5%**	-55.7%	-71.0%
Bảo hiểm	92.5	**-2.3%**	-7.39%	-15.0%	45.4	**-0.9%**	37.4%	-19.7%	0.8	**-9.1%**	26.4%	-26.0%

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,689.6	-0.79%	-5.3%	11.3x	1.8x
SET-Index	Thái Lan	1,473	0.04%	16.9%	12.0x	1.4x
JCI-Index	Indonesia	5,194	-1.02%	-39.9%	11.1x	0.7x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	11,603	-0.01%	-5.7%	13.8x	1.3x
PSEi Index	Phillipines	5,478	-0.62%	-9.5%	8.5x	1.1x
Shanghai Composite	Trung Quốc	3,578	-0.28%	-9.9%	16.5x	1.4x
Hang Seng	Hồng Kông	22,842	-1.95%	-10.9%	11.8x	1.2x
Nikkei 225	Nhật Bản	59,444	0.71%	18.1%	20.8x	2.7x
S&P 500	Mỹ	7,324	-0.23%	7.0%	22.9x	5.2x
Dow Jones	Mỹ	50,198	-1.11%	4.4%	21.9x	5.8x
FTSE 100	Anh	10,523	-0.27%	6.0%	14.7x	2.3x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	6,193	0.62%	6.9%	16.2x	2.5x
DXY		103.6	0.16%	5.4%		
USDVND		25,738	0.175%	-2.1%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

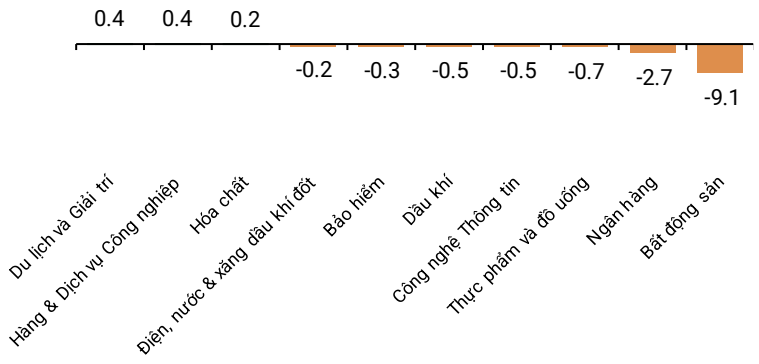
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa	% Thay đổi giá			
	1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	-0.03%	-16.1%	51.1%	44.7%
Dầu WTI	0.05%	-19.6%	45.1%	40.1%
Khí gas	0.1%	10.4%	-8.4%	-25.8%
Than cốc (*)	0.0%	-2.6%	31.3%	18.9%
Thép HRC (*)	0.0%	-4.0%	-3.9%	-4.7%
PVC (*)	-1.5%	-1.2%	6.3%	6.5%
Phân Urea	0.0%	-4.1%	14.5%	10.3%
Cao su thiên nhiên	-1.1%	-6.3%	33.4%	38.9%
Bông Cotton	1.0%	-5.5%	17.8%	21.5%
Đường	-0.2%	-12.5%	19.9%	22.8%
World Container Index	-3.0%	-6.9%	88.7%	124.7%
Baltic Dirty tanker Index	2.1%	-38.2%	246.0%	220.1%
Vàng	0.07%	-10.0%	-13.7%	-8.6%
Bạc	0.31%	-20.8%	-36.9%	-12.0%

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



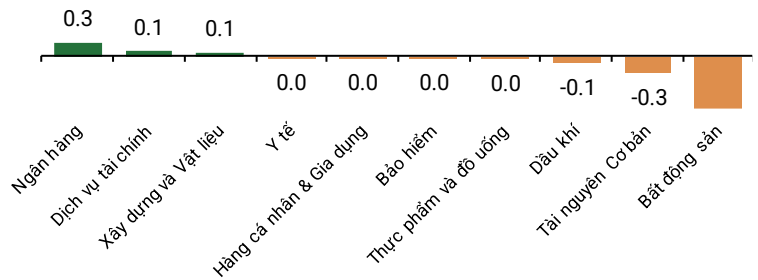
TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

+0.07 (VGC)	-0.30 (GAS)
+0.08 (GEX)	-0.33 (TCB)
+0.09 (GEL)	-0.39 (VNM)
+0.10 (POW)	-0.47 (STB)
+0.10 (BCM)	-0.49 (FPT)
+0.17 (GVR)	-0.49 (LPB)
+0.18 (NAB)	-0.57 (BSR)
+0.24 (BID)	-0.68 (VHM)
+0.40 (GEE)	-0.80 (CTG)
+0.58 (HVN)	-8.01 (VIC)

TOP CỔ PHIẾU NĐTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX

+9 (PVT)	-27 (VNM)
+10 (BVH)	-31 (SSI)
+11 (HDG)	-43 (HDB)
+11 (GAS)	-46 (CTG)
+11 (CTD)	-49 (MBB)
+12 (HVN)	-55 (VCB)
+14 (MSN)	-58 (VIC)
+15 (HPG)	-71 (VIX)
+16 (NKG)	-102 (ACB)
+17 (TCB)	-272 (FPT)

TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX

+0.01 (POT)	-0.04 (OCH)
+0.01 (TTL)	-0.04 (IPA)
+0.01 (VNR)	-0.07 (BAB)
+0.01 (MED)	-0.07 (CEO)
+0.03 (CDN)	-0.10 (VIF)
+0.04 (CAR)	-0.10 (PVS)
+0.05 (NTP)	-0.18 (TET)
+0.05 (VIT)	-0.20 (KSF)
+0.10 (SHS)	-0.20 (KSV)
+0.33 (NVB)	-1.66 (THD)

TOP CỔ PHIẾU NĐTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX

+0.1 (VC3)	-0.1 (IVS)
+0.1 (LAS)	-0.1 (UNI)
+0.3 (DXP)	-0.1 (VFS)
+0.5 (TIG)	-0.2 (BVS)
+0.9 (NVB)	-0.2 (APS)
+1.1 (VGS)	-0.5 (MST)
+1.7 (TNG)	-1.1 (HUT)
+4.0 (MBS)	-2.0 (NTP)
+5.4 (IDC)	-7.5 (CEO)
+27.3 (SHS)	-28.6 (PVS)

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



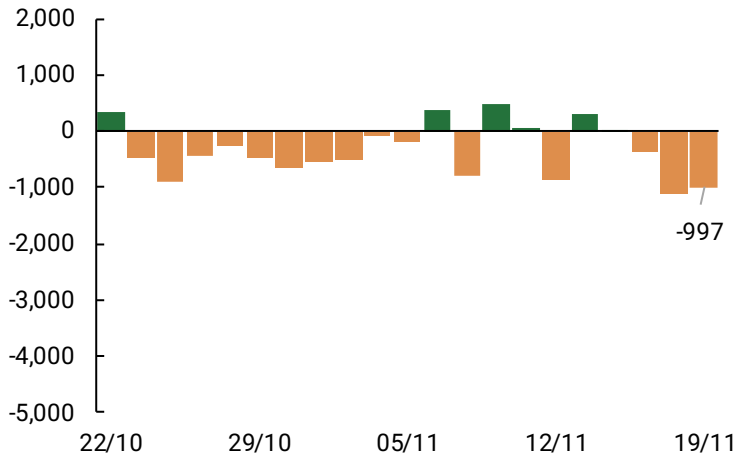
	FPT	VIC	VIX	VPB	HPG
%DoD	-2.7%	-2.0%	0.4%	-0.5%	0.0%
Giá trị	855	430	392	351	314

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



	LPB	MWG	PVD	MSB	SSI
%DoD	-2.3%	-0.7%	0.0%	0.3%	0.0%
Giá trị	3,497	326	285	192	134

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



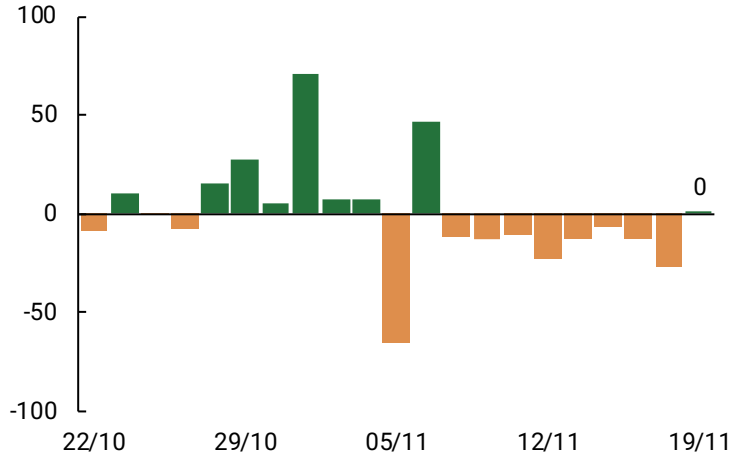
	SHS	HUT	PVS	CEO	MBS
%DoD	1.5%	0.0%	-1.1%	-1.7%	0.0%
Giá trị	104	100	64	62	40

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



	VIT	C69	TIG	VHL	HUT
%DoD	5.3%	0.0%	0.0%	-3.1%	0.0%
Giá trị	32	13	7	7	2

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến giảm thân lớn, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1640 l 1680.
- ✓ Kháng cự: 1750 l 1800.
- ✓ MACD, RSI suy yếu.
- ✓ Xu hướng: Điều chỉnh.

Kịch bản: Áp lực điều chỉnh tiếp tục chi phối và chỉ số đã lùi về vùng 1680 điểm. Đây tương ứng là vùng đáy gần tháng 10, lực cầu bắt đáy có khả năng xuất hiện tại đây. Trong trường hợp ngưỡng này bị phá vỡ, đà giảm có thể mở rộng về khu vực 1640 – 1650 điểm. Ở chiều hồi phục, kháng cự gần hiện giờ quanh vùng 1730 – 1750 điểm.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến giảm thân lớn, vol ngang mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1740 l 1780
- ✓ Kháng cự: 1840 l 1900.
- ✓ MACD, RSI suy yếu.
- ✓ Xu hướng: Điều chỉnh.
- ✓ **Kịch bản:** Chỉ số đã lùi về vùng đáy tháng 7 quanh khu vực 1790 – 1800 điểm. Lực cầu bắt đáy có thể xuất hiện tại đây. Nếu chỉ số tiếp tục phá vỡ dưới ngưỡng 1780 điểm, đà giảm có thể mở rộng về khu vực 1720 – 1740 điểm. Chiều ngược lại, kháng cự gần trong chiều hồi phục giờ là ngưỡng 1840 – 1860 điểm.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá hành động	LN/Lỗ thực hiện	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	**NAB**	Mua	12/11/2026	-	12.9	12.8 - 13	0.0%	14.2	10.1%	12.1	-6.2%	



Tín hiệu kỹ thuật

- **Hợp đồng VN30F1M** kết phiên tại 1787.9, giảm 27.1 điểm (-1.5%). Thanh khoản tăng so với phiên trước và ngang mức bình quân 20 phiên. Áp lực điều chỉnh chiếm ưu thế trong phần lớn thời gian giao dịch.
- **Ở đồ thị 1 giờ,** chỉ báo MACD vận động dưới đường tín hiệu, nhưng RSI đã tiếp cận vùng quá bán, có thể thúc đẩy nhịp hồi kỹ thuật trong xu hướng giảm. Thêm vào đó, hợp đồng 2M (sẽ giao dịch sau ngày đáo hạn 1M) cũng cho thấy giá phản ứng tốt tại hỗ trợ 1790 điểm. Theo đó, nếu giá bứt phá và củng cố được trên ngưỡng 1800 sẽ củng cố cho kịch bản hồi phục. Chiều ngược lại, vận động lùi về dưới ngưỡng 1787 có thể giá tăng áp lực điều chỉnh trở lại.
- **Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1717.6, giảm 19.5 điểm (-1.1%). Độ lệch basis 2.2 điểm (thấp hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh tăng, đạt 34 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1710 điểm, trong khi kháng cự là ngưỡng 1730 điểm.

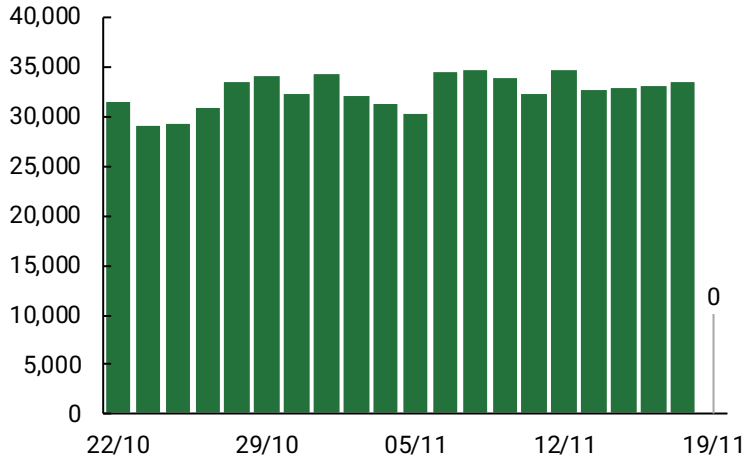
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/Rủi ro
Long	> 1800	1815	1792	15 : 8
Long	> 1820	1835	1812	15 : 8
Short	< 1787	1772	1795	15 : 8

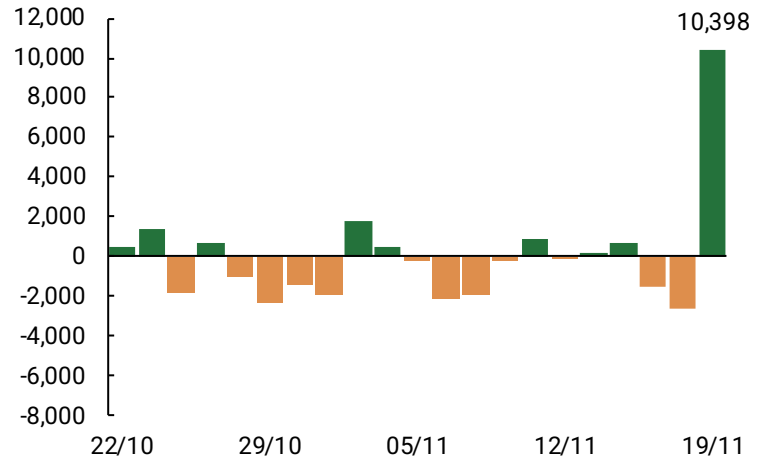
Thống kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
41I1H6000	1,789.1	-20.8	41	89	1,806.2	-17.1	17/06/2027	210
41I1H3000	1,785.5	-22.6	79	351	1,798.5	-13.0	18/03/2027	119
41I1GC000	1,791.1	-16.9	34,518	27,657	1,790.9	0.2	17/12/2026	28
41I1GB000	1,787.9	-27.1	187,728	0	1,788.5	-0.6	19/11/2026	0
41I2GB000	1,717.6	-19.5	34	0	1,719.9	-2.3	19/11/2026	0

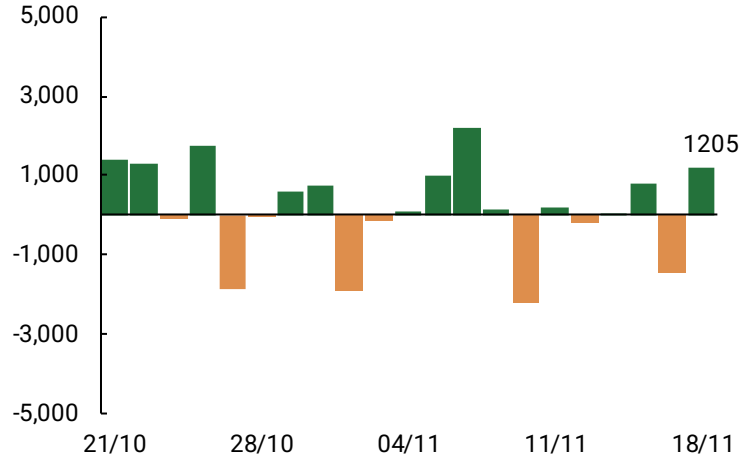
Khối lượng mở (Open interest)



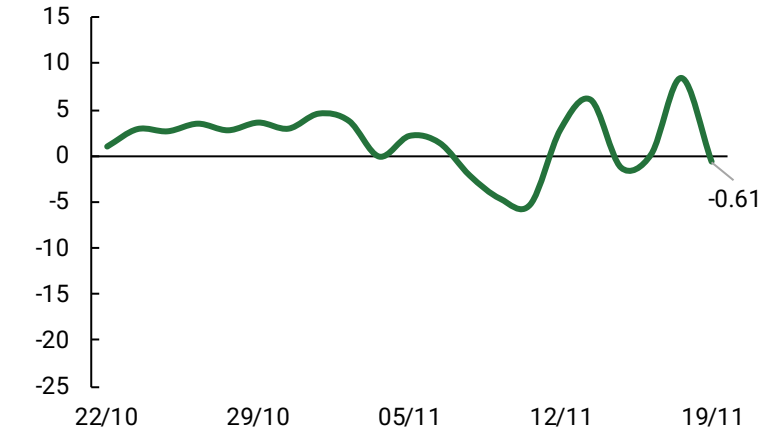
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại
(Hợp đồng)



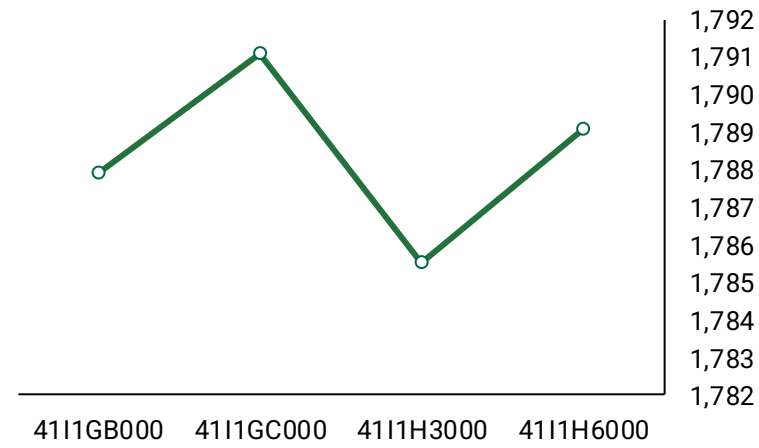
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh
(Hợp đồng)



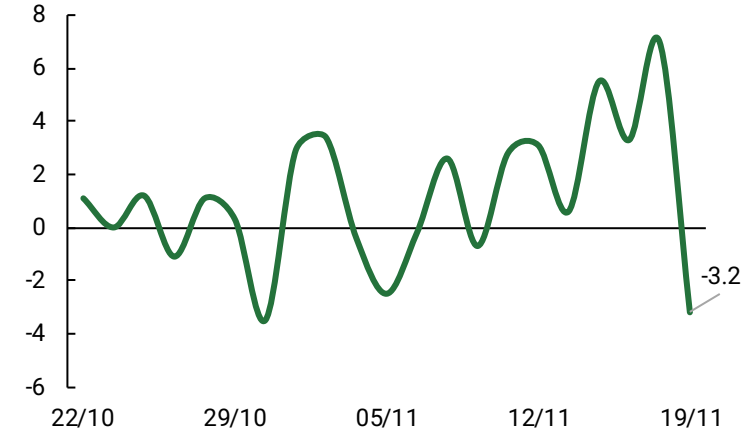
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M – VN30F2M



BẢN TIN CHỨNG KHOÁN
DANH MỤC CỔ PHIẾU PHÂN TÍCH

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
BSR	23,500	31,150	32.6%	Mua
CTD	72,600	79,600	9.6%	Nắm giữ
CTG	30,000	39,700	32.3%	Mua
DBD	43,800	56,700	29.5%	Mua
DDV	14,692	29,000	97.4%	Mua
DGW	40,000	48,300	20.8%	Mua
DHC	36,000	42,900	19.2%	Tăng tỷ trọng
DPG	32,200	42,900	33.2%	Mua
FRT	149,400	177,400	18.7%	Tăng tỷ trọng
GMD	51,200	62,600	22.3%	Mua
HAH	46,300	55,800	20.5%	Mua
HPG	20,450	28,700	40.3%	Mua
MBB	18,700	25,200	34.8%	Mua
MCH	132,300	148,500	12.2%	Tăng tỷ trọng

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MWG	72,100	108,800	50.9%	Mua
NT2	23,850	24,800	4.0%	Nắm giữ
POW	13,550	15,500	14.4%	Tăng tỷ trọng
PVT	18,500	26,000	40.5%	Mua
SSI	19,550	31,200	59.6%	Mua
TCB	20,600	26,200	27.2%	Mua
TCH	13,250	14,200	7.2%	Nắm giữ
TLG	52,500	59,700	13.7%	Tăng tỷ trọng
VCB	50,800	72,100	41.9%	Mua
VPB	20,900	29,500	41.1%	Mua

** Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo*

02/11	Việt Nam, Mỹ, Trung Quốc, EU – PMI
03/11	Việt Nam – Số liệu KT-XH tháng 10
04/11	Mỹ – Kết quả bầu cử giữa kỳ
06/11	Mỹ – Bảng lương phi nông nghiệp
09/11	Trung Quốc – Lạm phát, PPI
10/11	Mỹ – Chỉ số CPI
12/11	MSCI – Công bố kết quả review chỉ số
13/11	Mỹ – Chỉ số PPI
16/11	Trung Quốc – SXCN, Doanh số bán lẻ
19/11	Mỹ – Biên bản FOMC, KQKD Nvidia Việt Nam – Đáo hạn HĐTL VN30, VN100
20/11	Trung Quốc – Lãi suất LPR
25/11	Mỹ – GDP Q3 lần 2, Chỉ số PCE
30/11	Trung Quốc – PMI tháng 11 MSCI – ETF cơ cấu danh mục

THÔNG TIN VĨ MÔ

Biên bản họp FOMC tháng 10: Gần như toàn bộ quan chức Fed cho rằng cần tiếp tục tăng lãi suất: Biên bản cuộc họp ngày 27–28/10 công bố ngày 18/11 (giờ Mỹ) cho thấy FOMC giữ lãi suất ở mức 3.75–4% nhưng Thống đốc Lisa Cook và Chủ tịch Fed Cleveland Beth Hammack bỏ phiếu phản đối vì muốn tăng ngay. Các quan chức nhận định áp lực lạm phát đang lan rộng; khoản nợ gắn với làn sóng đầu tư AI được đưa vào danh sách rủi ro ổn định tài chính.

Cổ phiếu niêm yết trên HNX chuyển sang HOSE từ ngày 28/12/2026: Theo lãnh đạo Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam tại hội thảo ngày 18/11, ngày 23/12 là phiên cuối của 299 cổ phiếu niêm yết trên HNX; sau 2 ngày tạm dừng để chốt dữ liệu, các mã này giao dịch phiên đầu tiên trên HOSE ngày 28/12, nâng tổng số cổ phiếu niêm yết trên HOSE lên khoảng 760 mã.

ECB cân nhắc nâng tỷ lệ dự trữ bắt buộc từ 1% lên 2%: Theo các nguồn tin, Hội đồng Thống đốc ECB sẽ thảo luận đề xuất tại cuộc họp ngày 25/11, quyết định có thể lùi sang cuộc họp chính sách ngày 17/12. Động thái giúp ECB và 21 ngân hàng trung ương quốc gia khu vực đồng euro tiết kiệm khoảng 4.4 tỷ euro chi phí trả lãi mỗi năm.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

CTG - VietinBank hoàn tất chuyển nhượng dự án VietinBank Tower cho thành viên Sun Group: Theo thông tin từ Sun Group ngày 19/11, dự án tại lô TM1, Khu đô thị Nam Thăng Long (Ciputra), Hà Nội đã được chuyển nhượng cho Công ty TNHH Thành phố Mặt Trời trong tháng 9/2026. Dự án rộng gần 29,917 m², khởi công năm 2010, gồm hai tháp 68 và 48 tầng; tổng mức đầu tư theo phương án năm 2013 khoảng 10,267 tỷ đồng. Giá trị giao dịch chưa được công bố.

VIC - Vingroup khởi công khu nhà ở xã hội Bà Điểm quy mô 192 ha, gần 45,000 căn tại TP.HCM: Sáng 19/11, Vingroup khởi công dự án do CTCP Delta, doanh nghiệp thuộc hệ sinh thái Vingroup, làm chủ đầu tư, tổng vốn hơn 64,000 tỷ đồng. Dự án gồm 40,000 căn nhà ở xã hội để bán và 5,000 căn cho thuê, đáp ứng nhu cầu của gần 68,000 người; mật độ xây dựng khoảng 20%, gần 75 ha hồ nước và công viên.

HAG - HAGL dự kiến chi khoảng 3,050 tỷ đồng trồng thêm 5,000 ha cà phê trong năm 2027: HĐQT thông qua kế hoạch hướng tới mục tiêu 20,000 ha cà phê tại Việt Nam, Lào và Campuchia vào năm 2028; đến nay tập đoàn đã trồng lũy kế 10,000 ha, tổng nhu cầu vốn giai đoạn 2026–2028 khoảng 14,220 tỷ đồng. HAGL cũng góp 100% vốn thành lập công ty con vốn điều lệ 60 tỷ đồng hoạt động trong lĩnh vực hạ tầng cụm công nghiệp tại Gia Lai.

SBT - AgriS chào bán 1,000 tỷ đồng trái phiếu ra công chúng trong năm 2027, lãi suất 11.8%/năm để trả nợ vay: Trái phiếu kỳ hạn 4 năm, không chuyển đổi, không bảo đảm, chia 2 đợt: 600 tỷ đồng dự kiến trong quý 1–2/2027, dùng trả nợ gốc BVBank và MB mỗi bên 300 tỷ đồng; 400 tỷ đồng trong quý 2–3/2027, trả một phần khoản vay hợp vốn của 14 tổ chức tín dụng nước ngoài. Lãi suất cố định 11.8%/năm hai kỳ đầu, sau đó không thấp hơn 11%/năm; nhà đầu tư có quyền bán lại trái phiếu sau 36 tháng.

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Định nghĩa xếp loại

MUA: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá hơn 20%.

TĂNG TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá từ 10% đến 20%.

NẮM GIỮ: Cổ phiếu cho thấy tiềm năng tăng trưởng hạn chế dưới 10%.

BÁN: Cổ phiếu có khả năng giảm hơn -10%.

GIẢM TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có thể giảm nhẹ từ 0% đến -10%

KHÔNG XẾP HẠNG: Cổ phiếu không được xếp hạng trong phạm vi theo dõi của PHS hoặc chưa được niêm yết.

Hiệu suất được định nghĩa là tổng lợi nhuận trong 12 tháng (bao gồm cả cổ tức).

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58 Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1
Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, Tp. HCM
Điện thoại: (84-28) 3 535 6060
Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Quận 3
Tầng 4 , D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Tp. HCM
Điện thoại: (84-28) 3 820 8068
Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Tân Bình
Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Tp. HCM
Điện thoại: (84-28) 3 813 2401
Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi nhánh Thanh Xuân
Tầng 5 - Văn phòng C, Tòa nhà Taisei Square Hanoi - số 289 đường Khuất Duy Tiến, phường Đại Mỗ, Tp.Hà Nội.
Điện thoại: (84-24) 6 250 9999
Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Hải Phòng
Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Hải Phòng
Điện thoại: (84-225) 384 1810
Fax: (84-225) 384 1801